

**BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH BÌNH PHƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN BÙ ĐÓP** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: / BHXH-BPT  
V/v hướng dẫn mức đóng BHYT hộ gia đình  
làm nông lâm ngư nghiệp (NLNN) có mức  
sống trung bình năm 2023

Bù Đốp, ngày tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND tỉnh Bình Phước V/v sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2025;

Thực hiện Công văn số 43/UBND-VX ngày 12/01/2023 của UBND huyện Bù Đốp về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND tỉnh Bình Phước.

Bảo hiểm xã hội huyện Bù Đốp hướng dẫn mức đóng BHYT cho hộ gia đình làm nông, lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 như sau:

**1. Đối tượng tham gia:**

Hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2025 được UBND xã, thị trấn phê duyệt theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 Thủ tướng Chính phủ; phụ lục số VIII thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

**2. Mức đóng BHYT:**

**2.1. Đối với hộ gia đình là người dân tộc thiểu số**

2.1.1. Đối với hộ gia đình là người dân tộc thiểu số làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống tại các thôn, ấp, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 không được phê duyệt là thôn, ấp, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 (theo phụ lục 01 đính kèm).

- Mức đóng của cá nhân:  $1.490.000^d \times 4,5\% \times 5\% \times 01^{\text{tháng}} = 3.353$  đồng/người/tháng.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ:  $1.490.000^d \times 4,5\% \times 95\% \times 01^{\text{tháng}} = 63.698$  đồng/người/tháng.

2.1.2. Đối với hộ gia đình là người dân tộc thiểu số làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống **ngoài** vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ (theo danh sách đính kèm).

- Mức đóng của cá nhân:  $1.490.000^d \times 4,5\% \times 50\% \times 01^{\text{tháng}} = 33.525$  đồng/người/tháng.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ:  $1.490.000^d \times 4,5\% \times 50\% \times 01^{\text{tháng}} = 33.525$  đồng/người/tháng.

## **2.2. Đối với hộ gia đình là người kinh**

2.2.1. Đối với hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình sinh sống tại các thôn, ấp, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2016 - 2020 không được phê duyệt là thôn, ấp, xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn có quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 (theo danh sách đính kèm).

- Mức đóng của cá nhân:  $1.490.000^d \times 4,5\% \times 25\% \times 01^{\text{tháng}} = 16.763$  đồng/người/tháng.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ:  $1.490.000^d \times 4,5\% \times 75\% \times 01^{\text{tháng}} = 50.288$  đồng/người/tháng.

2.2.2. Đối với hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình (theo danh sách đính kèm).

- Mức đóng của cá nhân:  $1.490.000^d \times 4,5\% \times 60\% \times 01^{\text{tháng}} = 40.230$  đồng/người/tháng.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ:  $1.490.000^d \times 4,5\% \times 40\% \times 01^{\text{tháng}} = 26.820$  đồng/người/tháng.

**Lưu ý:** Mức đóng (mức hỗ trợ) sẽ thay đổi khi nhà nước điều chỉnh mức lương cơ sở.

## **3. Hồ sơ tham gia:**

- Đối với người tham gia: Lập tờ khai tham gia BHYT mẫu TK01-TS

- Đối với nhân viên thu tại UBND các xã, thị trấn: Lập danh sách tham gia bảo hiểm y tế mẫu D03-TS kèm theo quyết định và danh sách phê duyệt theo hướng dẫn tại thông tư số 07/2021/TT- BLĐTBXH.

Trên đây là nội dung hướng dẫn mức đóng BHYT hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc UBND các xã, thị trấn liên hệ Bảo hiểm xã hội huyện Bù Đốp (qua số điện thoại 02713.563636) để được hướng dẫn thêm./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- BHXH tỉnh (để báo cáo);
- UBND huyện (để báo cáo);
- Phòng LĐTB&XH (để phối hợp);
- Bru điện huyện (để phối hợp);
- Lưu: VT, BPT.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Cao Hoài Thu